

Số: 02/2020/QĐST-DS

Thị xã Kỳ Anh, ngày 02 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông: Đinh Văn Tư
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Thu Lâm

Ông Nguyễn Xuân Sáng

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 613, 650 và 651 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 6, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Làm ruộng (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Đậu Văn Ph, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 58, đường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Th, sinh năm 1952

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Làm ruộng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

1. Ông Mai Xuân Định; Luật sư - Cty Luật TNHH Pháp viện – Phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh ,tỉnh Hà Tĩnh(có mặt).

2. Ông Hoàng Xuân Huệ; Luật sư - Cty Luật TNHH Pháp viện – Phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh ,tỉnh Hà Tĩnh(có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Bà Trần Thị M, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh(có mặt).

2.Ông Trần Đình V, sinh năm 1949

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh(có mặt).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Bà Trần Thị T được quyền thừa kế và sử dụng vị trí đất số 01 có diện tích 79,2m² (trong đó đất ở 44,2m², đất vườn 35 m²). Đất bà Trần Thị T được quyền sử dụng nằm trong tổng diện tích đất thừa kế 538,5m² thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 03 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 781084, do UBND huyện Kỳ Anh cấp ngày 20/12/1996 mang tênTrần Thị Th(Trần Thị C); địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A,phường B, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

* Vị trí thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất ở của ông Ân dài 13,2m
- Phía Nam giáp đất chia thừa kế cho bà Trần Thị Minh dài 13,2
- Phía Đông giáp đường trục ngang dài 06m
- Phía Tây giáp đất ông Vui dài 06m

Trên phần đất của bà Trần Thị T được quyền sử dụng chưa có tài sản trên đất.

Tổng trị giá tài sản bà Trần Thị T được thừa kế là: 79,2m² x 1.600.000đồng = 126.720.000đ(*Một trăm hai sáu triệu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng*).

2.2.Bà Trần Thị M được quyền thừa kế và sử dụng vị trí đất số 02 có diện tích 79,2m² (trong đó đất ở 44,2m², đất vườn 35 m²). Đất bà Trần Thị M được quyền sử dụng nằm trong tổng diện tích đất thừa kế 538,5m² thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 03 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 781084, do UBND huyện Kỳ Anh cấp ngày 20/12/1996 mang tênTrần Thị Th(Trần Thị Con); địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A, phường B, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

* Vị trí thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất chia thừa kế cho bà Trần Thị T dài 13,2 m
- Phía Nam giáp đất chia thừa kế cho bà Trần Thị Th dài 13,2m

- Phía Đông giáp đường trục ngang dài 06m
- Phía Tây giáp đất ông Vui dài 06m

Trên phần đất của bà Trần Thị M được quyền sử dụng chưa có tài sản trên đất.

Tổng trị giá tài sản bà Trần Thị M được thừa kế là: $79,2\text{m}^2 \times 1.600.000\text{đồng} = 126.720.000\text{đ}$ (Một trăm hai sáu triệu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

2.3. Bà Trần Thị Th và ông Trần Đình V được quyền thừa kế và sử dụng vị trí đất số 03 có diện tích $380,1\text{m}^2$ (trong đó đất ở $177,3\text{m}^2$, đất vườn 203m^2). Đất bà Trần Thị Th và ông Trần Đình V được quyền sử dụng nằm trong tổng diện tích đất thừa kế $538,5\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 03 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 781084, do UBND huyện Kỳ Anh cấp ngày 20/12/1996 mang tên Trần Thị Th (Trần Thị Con); địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A, phường B, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

* Vị trí thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất chia thừa kế cho bà Trần Thị M dài 13,2 m
- Phía Nam giáp đất bà Xứ dài 13,2m
- Phía Đông giáp đường trục ngang dài 29m
- Phía Tây giáp đất ở ông Vui dài 29m

Trên phần đất của bà Trần Thị Thanh và ông Trần Đình V được quyền sử dụng chưa có tài sản trên đất.

Tổng trị giá tài sản bà Trần Thị Th và ông Trần Đình V được thừa kế là: $380\text{m}^2 \times 1.600.000\text{đồng} = 608.000.000\text{đ}$ (Sáu trăm lẻ tám triệu đồng).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 781084, do UBND huyện Kỳ Anh cấp ngày 20/12/1996 cấp cho bà Trần Thị Th (Trần Thị Con) để điều chỉnh cấp lại cho bà Trần Thị T, Trần Thị M, Trần Thị Th và Trần Đình V theo Quyết định của Tòa án.

2.4. Về chi phí thẩm định và định giá: Bà Trần Thị T và bà Trần Thị M thỏa thuận chịu trách nhiệm chung về số tiền chi phí thẩm định và định giá và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí:

Bà Trần Thị Th, bà Trần Thị T, ông Trần Đình V là người cao tuổi; bà Trần Thị M thuộc diện hộ nghèo được chính quyền địa phương xác nhận nên được miễn toàn bộ án phí.

Bà Trần Thị T được nhận lại số tiền 300.000 đ(*ba trăm ngàn đồng*) khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ(*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007013 ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- UBND phường B;
- Dương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Đinh Văn Tư

